TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 114/2025/DS-PT Ngày: 13/5/2025 V/v Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Bà Đào Nữ Ngọc Lan – Ông Lâm Thuận Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 05 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 169/2024/DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 03 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 44/2025/ TB-TA ngày 17/04/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Âu Thị P, sinh năm 1968; địa chỉ: số 718, tổ 26, ấp Long Phú 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Bùi Quốc Nam, sinh năm 1981; nơi cư trú: số 423, ấp Mỹ Hòa, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 09/11/2020), (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1990; địa chỉ: số 718, tổ 26, ấp Long Phú 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Hoa T1, sinh năm 1993; địa chỉ: số 718, tổ 26, ấp Long Phú 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt);

Bị đơn:

- Bà Lê Thị P1, sinh năm 1932; địa chỉ: ấp Long Phú 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp Long Phú 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Bà Huỳnh Thị Kim G, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp Long Phú 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Bà Huỳnh Thị Ánh T2, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp Long Phú 2, xã Long Điền A, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp Long Phú 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Ông Huỳnh Hải L, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp Long Phú 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Hồ Hữu Lam, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Long Định, xã Long Điền A, huyện C, tỉnh An Giang là đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 18/02/2025)

- Ông Huỳnh Văn Hải S1, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp Long Phú 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Bà Huỳnh Thị T3, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp Tây, xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Văn S (S), sinh năm 1975; Cùng địa chỉ: ấp Long Phú 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Ông Huỳnh Văn Hải S1, sinh năm 1969; Cùng địa chỉ: ấp Long Phú 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Sở Tài N và môi trường tỉnh An Giang; địa chỉ: số 837, Quốc lộ 91, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ: số 8, đường Nguyễn Hữu Cảnh, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).

- Văn Phòng công chứng Lý Thanh Dũng (trước đây là Văn Phòng công chứng An Giang); địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: N đơn bà Âu Thị P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Hoa T1

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Theo đơn khởi kiện, và quá trình tham gia tố tụng ở Tòa án cấp sơ thẩm N đơn Âu Thị P, Nguyễn Thị Hoa T1, Nguyễn Thị Bích T, thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Quốc Nam trình bày:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2020 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng N đơn cho rằng vào năm 1999 ông Huỳnh Phát T4 với bà Âu Thị P, ông Nguyễn Văn Nước có làm hợp đồng chuyển nhượng 2.500m^2 đất nằm trong diện tích 3530m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00585QSDĐ/cB do UBND huyện C cấp ngày 08/3/1994 cho ông T4, hợp đồng viết tay có xác nhận của Ban nhân dân ấp, đã giao đủ tiền và nhận đất canh tác từ đó đến nay. Sau khi ông T4 và ông Nước chết phía các N đơn yêu cầu bị đơn là bà P1 và các con làm thủ tục sang tên, tách thừa nhưng bà P1 và các con không đồng ý. Hiện nay, phần đất tranh chấp đất ông Bùi Văn Sĩ, ông Huỳnh Văn Hải S1 (đồng bị đơn) thuê trồng bắp.

Vì vậy, các đồng N đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng ngày 21/3/1999 giữa ông Nguyễn Văn Nước, bà Âu Thị P với ông Huỳnh Phát T4. Đồng thời yêu cầu các đồng bị đơn gồm: Lê Thị P1, sinh năm 1932; Huỳnh Thị N, sinh năm 1958; Huỳnh Thị Kim G, sinh năm 1965; Huỳnh Thị Ánh T2, sinh năm 1967; Huỳnh Thị Kim M, sinh năm 1962; Huỳnh Văn Hải L, sinh năm 1974; Ông Huỳnh Văn Hải S1, sinh năm 1965 và Huỳnh Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thực hiện việc tách thửa, sang tên quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho các đồng N đơn. Do phần đất đã được cấp giấy CNQSD cho ông Huỳnh Hải L theo giấy CNQSDĐ số CS05837 ngày 05/01/2018 tại các thửa 110, 360, 189 nên N đơn yêu cầu ông L điều chỉnh; trường hợp ông L không đồng ý thì yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng và hủy việc kê khai di sản thừa kế giữa bà Lê Thị P1 và các con cho ông Huỳnh Hải L, điều chỉnh, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L sang tên cho bà Âu Thị P.

Bị đơn bà Huỳnh Thị M trình bày: cha bà là ông Huỳnh Phát T4 lúc còn sống có chuyển nhượng đất, cầm cố đất với ông Nguyễn Văn Nước, Âu Thị P hay không thì bà không rõ vì trước đây bà sống bên chồng, thời điểm bà về sống lại bên nhà cha mẹ ruột thì bà được biết ông Nguyễn Văn Nước, Âu Thị P đã sử dụng phần đất này hơn 15 năm nay, trong quá trình sử dụng bà được biết vợ chồng ông Nước cho người khác thuê để trồng cỏ; hiện nay ông Huỳnh Văn Sĩ và em ruột bà là Huỳnh Văn Hải S1 thuê để trồng cỏ. Đối với yêu cầu N đơn bà không có ý kiến tranh chấp trong vụ án này, để cho chị và các em bà quyết định. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Huỳnh Thị M không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn với lý do cha bà là ông Huỳnh Phát T4 không sang nhượng đất cho phía bà P và ông Nước vào năm 1999 và không đồng ý với yêu cầu hủy văn bản

kê khai hưởng di sản thừa kế giữa mẹ bà, bà và các anh, chị em, cho ông Huỳnh Hải L.

Bị đơn Huỳnh Hải L có văn bản trình bày: chữ ký trong tờ sang nhượng đất năm 1999 không phải chữ ký của ông Huỳnh Phát T4 (cha ông); ông đã được gia đình phân chia di sản thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và ông đã được Sở Tài N và môi trường tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông đi làm xa nhà nên việc bà P và các đồng N đơn chiếm đất canh tác mà chưa có sự đồng ý của ông. Vì vậy, ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn.

Tại Kết luận giám định số 21 ngày 31/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, xác định chữ ký của ông Huỳnh Phát T4 trên tờ sang nhượng và chữ ký mẫu không do cùng một người ký ra

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chơ Mới tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Âu Thị P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Hoa T1 đối với các ông, bà gồm: Lê Thị P1; Huỳnh Thị N; Huỳnh Thị Kim G, Huỳnh Thị Ánh T2, Huỳnh Thị M, Huỳnh Hải L, Ông Huỳnh Văn Hải S1, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Thị N yêu cầu thực hiện việc tách thửa, sang tên quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho các đồng N đơn, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05837 do Sở Tài N và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 05/01/2018 cho ông Huỳnh Hải L, yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích 16m^2 đất dôi dư, yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 11/11/2023 và hợp đồng tặng cho (riêng) quyền sử dụng đất ngày 11/11/2013 giữa bà Lê Thị P1 với ông Huỳnh Hải L được Văn phòng công chứng Lý Thanh Dũng chứng nhận vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (theo tờ sang nhượng đất lập ngày 21/3/1999) giữa ông Nguyễn Văn Nước, bà Âu Thị P với ông Huỳnh Phát T4 vô hiệu.

Do các bên không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không đề cập.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 07/10/2024, N đơn bà Âu Thị P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Hoa T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm xem xét, lại toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/3/1999 giữa N đơn với ông Huỳnh Phát T4 diện tích 2.500m^2.

- Đối với phần diện tích dư là 16m^2 so với diện tích nhận chuyển nhượng (2.500m^2), yêu cầu được tiếp tục sử dụng.

- Phần đất tranh chấp hiện nay do ông Huỳnh Hải L đứng tên quyền sử dụng yêu cầu ông Huỳnh Hải L có nghĩa vụ thực hiện thủ tục tách thửa, sang tên quyền sử dụng diện tích đất 2.516m^2 cho bà Âu Thị P. Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Hoa T1.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS05837, diện tích 3.689m^2 tờ bản đồ số 51, các thửa 326, 360, 189, 119, do Sở Tài N và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Hải L, sinh năm 1974 đứng tên ngày 05/01/2018, đất tọa lạc tại ấp Long Phú 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Trong diện tích 3.689m^2 ông Long được cấp giấy, trong đó có diện tích 2.500m^2 đã chuyển nhượng cho vợ, chồng bà từ năm 1999 và bà Âu Thị P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Hoa T1 cũng đã sử dụng ổn định từ trước đến nay.

+ Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L thời điểm này bà P là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng, nhưng lại không xác minh thực tế đất có chuyển nhượng hay chưa và ai đang canh tác, sử dụng. Vì vậy. việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Huỳnh Hải L là không đúng đối tượng, không đúng trình tự thủ tục.

- Yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 11/11/2013 giữa các ông, bà Lê Thị P1, Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Thị Kim G, Huỳnh Thị Ánh T2, Huỳnh Văn Hải S1, Huỳnh Hải L, Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị N (Bà N, G, T3, T2, S1, N ủy quyền cho bà M đại diện), với Huỳnh Hải L và Hợp đồng tặng cho (riêng) quyền sử dụng đất ngày 11/11/2013 giữa bà Lê Thi P1 với ông Huỳnh Hải L đã được Văn phòng Công chứng An Giang (nay là Văn phòng Công chứng Lý Thanh Dũng) chứng thực. Lý do, bà P1 cùng các con biết đã chuyển nhượng đất rồi nhưng vẫn cố tình làm thủ tục tặng cho lại Huỳnh Hải L, trong đó có diện tích 2.500m^2 đã chuyển nhượng rồi, là nhằm trốn tránh trách nhiệm làm thủ tục tách thửa, chuyển quyền sử dụng đất cho bà Âu Thị P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Hoa T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm

N đơn do ông Bùi Quốc Nam là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của N đơn yêu cầu được chấp nhận như đơn khởi kiện.

Bị đơn do ông Hồ Hữu Lam là đại diện ủy quyền của ông Huỳnh Hải L đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của N đơn, thống nhất bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, đề nghị xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của các N đơn Âu Thị P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Hoa T1; Giữ N bản án dân sự sơ thẩm số 169/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

N đơn bà Âu Thị P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Hoa T1 kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay, một số các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thủ tục ủy quyền:

- N đơn N đơn bà Âu Thị P ủy quyền cho ông Bùi Quốc Nam theo giấy Hợp đồng ủy quyền ngày 09/11/2020. Bị đơn ông Huỳnh Hải L ủy quyền cho ông Hồ Hữu Lam theo giấy ủy quyền ngày 18/02/2025.Hội đồng xét xử xem xét đối với các thủ tục ủy quyền phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu kháng cáo của các N đơn bà P, bà T, bà T1 Hội đồng xét xử xét thấy:*

N đơn yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và có trình bày ngày 21/3/1999, ông T4 đã lập tờ sang bày 2.500m² đất với ông Nước, bà P, được Trưởng ấp Long Phú 2, xã L xác nhận. N đơn cho rằng đã thanh toán đầy đủ, nhận đất canh tác ổn định cho đến nay. Tuy nhiên về tính hợp pháp của đồng nhận thấy theo quy định tại Điều 707 Bộ luật dân sự năm 1995 và Điều 30 Luật Đất đai năm 1993 thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản, có công chứng hoặc được UBND cấp có thẩm quyền chứng thực. Tờ sang nhượng ngày 21/3/1999 chỉ là giấy viết tay, không có công chứng, chứng thực. Tờ sang nhượng lập ngày 21/3/1999 nhưng đến năm 2005 mới có xác nhận của Trưởng ấp Long Phú 2, xã L. Theo lời trình bày của N đơn tại phiên tòa sơ thẩm, bản gốc tờ sang nhượng năm 1999 đã bị thất lạc, và tờ sang nhượng hiện có là do ông Nước viết lại sau này, như vậy cũng không đảm bảo tính hợp pháp, mặt khác chữ ký trong hợp đồng theo kết luận giám định số 21 ngày 31/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, chữ ký trên tờ sang nhượng ngày 21/3/1999 với mẫu so sánh không phải

do ông Huỳnh Phát Thành ký. N đơn không có ý kiến phản hồi và không yêu cầu giám định lại, đồng thời cũng không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh việc giao kết hợp đồng là có thật.

Xét về quá trình sử dụng đất, N đơn trình bày đã canh tác ổn định từ năm 1999 đến nay. Tuy nhiên, theo hồ sơ vụ án, diện tích đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05837 ngày 05/01/2018 cho ông L. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tuân theo quy trình do pháp luật đất đai quy định. N đơn khởi kiện có yêu cầu công nhận diện tích 2.500 m^2 theo tờ sang nhượng ngày 21/3/1999 nhưng trong đó có diện tích 736m² mà bà P đang quản lý không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L được cấp, bà P cũng chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất của bà là hợp pháp.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các văn bản phân chia di sản thừa kế: N đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05837 cấp cho ông L. Tuy nhiên, N đơn không đưa ra được căn cứ pháp lý để chứng minh quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L có sai sót hoặc không đúng quy trình. Đối với yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 11/11/2013 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị P1 và ông Huỳnh Hải L là không có cơ sở, vì đây là giao dịch hợp pháp được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Các N đơn khởi kiện nhưng không đưa ra chứng cứ khác chứng minh có việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T4. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn là có căn cứ.

[4] Về hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: do giai đoạn sơ thẩm, các bên không yêu cầu nên cấp sơ thẩm không đề cập xem xét là có cơ sở.

Các N đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết mới hay chứng cứ bổ sung chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các N đơn bà Âu Thị P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Hoa T1 như đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở.

[5] Về chi phí tố tụng:

- N đơn phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định, định giá số tiền 2.509.000 đồng (hai triệu năm trăm lẻ chín nghìn), đã nộp xong.

- Bị đơn phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) chi phí thực hiện việc giám định chữ ký, đã nộp xong.

[6] Về án phí:

- Các N đơn Âu Thị P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Hoa T1 phải chịu án phí, dân sự được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn), theo các biên lai thu số 0008948, 0008949, 0008950 ngày 09/10/2020 và các biên lai thu số 0015584, 0015585, 0015586 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

- Các bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các N đơn bà Âu Thị P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Hoa T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1.Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Âu Thị P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Hoa T1.

2. Giữ N Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2024/DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Âu Thị P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Hoa T1 đối với các ông, bà gồm: Lê Thị P1; Huỳnh Thị N; Huỳnh Thị Kim G, Huỳnh Thị Ánh T2, Huỳnh Thị M, Huỳnh Hải L, Ông Huỳnh Văn Hải S1, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Thị N yêu cầu thực hiện việc tách thửa, sang tên quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho các đồng N đơn, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05837 do Sở Tài N và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 05/01/2018 cho ông Huỳnh Hải L, yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích 16m^2 đất dôi dư, yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 11/11/2023 và hợp đồng tặng cho (riêng) quyền sử dụng đất ngày 11/11/2013 giữa bà Lê Thị P1 với ông Huỳnh Hải L được Văn phòng công chứng Lý Thanh Dũng chứng nhận vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (theo tờ sang nhượng đất lập ngày 21/3/1999) giữa ông Nguyễn Văn Nước, bà Âu Thị P với ông Huỳnh Phát T4 vô hiệu.

Do các bên không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không đề cập.

3. Về chi phí tố tụng:

- N đơn bà Âu Thị P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Hoa T1 phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định, định giá số tiền 2.509.000 đồng (hai triệu năm trăm lẻ chín nghìn), đã nộp xong.

- Bị đơn Lê Thị P1, Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị Kim G, Huỳnh Thị Ánh T2, Huỳnh Thị Kim M, Huỳnh Văn Hải L, ông Huỳnh Văn Hải S1 và Huỳnh Thị N, phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) chi phí thực hiện việc giám định chữ ký, đã nộp xong.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các N đơn bà Âu Thị P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Hoa T1 phải chịu án phí, dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn), theo các biên lai thu số 0008948, 0008949, 0008950 ngày 09/10/2020 và các biên lai thu số 0015584, 0015585, 0015586 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

- Các bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Các N đơn bà Âu Thị P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Hoa T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí của các N đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023261, 0023259, 0023260 ngày 07/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh An Giang;

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND C
- Chi cục THA-DS C;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Hằng